



# GIÁO DỤC DÂN TỘC TRONG CÔNG CUỘC ĐỔI MỚI CĂN BẢN, TOÀN DIỆN GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

**ThS. LÊ NHƯ XUYỀN**

Bộ Giáo dục và Đào tạo

**TS. NGUYỄN THỊ PHƯƠNG THẢO**

Viện Khoa học Giáo dục Việt Nam

## **Đặt vấn đề**

Giáo dục (GD) và đào tạo nước nhà nói chung, GD dân tộc nói riêng đang đứng trước nhiều cơ hội và thách thức, đòi hỏi sự chủ động, sáng tạo của hệ thống chính trị, của toàn xã hội và của ngành Giáo dục nhằm thực hiện thắng lợi Nghị quyết số 29-NQ/TW ngày 04 tháng 11 năm 2013 Hội nghị lần thứ 8 Ban Chấp hành Trung ương khóa XI "về đổi mới căn bản, toàn diện GD và đào tạo, đáp ứng yêu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa trong điều kiện kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế".

## **1. Những thuận lợi và khó khăn trong công tác GD dân tộc**

Trong những năm qua, GD miền núi, vùng dân tộc thiểu số (DTTS) đã có những tiến bộ đáng khích lệ: Mạng lưới trường, lớp ngày càng rộng khắp tới tận buôn làng với đủ các loại hình đặc thù, phù hợp; trường, lớp học được đầu tư xây dựng ngày càng khang trang, đảm bảo đủ điều kiện để từng bước nâng cao chất lượng dạy và học; đội ngũ cán bộ quản lý (CBQL) và giáo viên (GV) được tăng cường về số lượng, chất lượng; ngân sách chi cho GD vùng dân tộc, hỗ trợ cho người học là con em đồng bào DTTS tăng lên hàng năm; tỉ lệ học sinh (HS) đến trường tăng cao, HS lưu ban, bỏ học ngày càng giảm; tỉ lệ tốt nghiệp các cấp học tăng rõ rệt; hệ thống trường phổ thông dân tộc nội trú (PTDNT), trường phổ thông dân tộc bán trú (PTDTBT), trường dự bị đại học (DBĐH) ngày càng phát huy vai trò tích cực; chính sách cử tuyển đã góp phần đáng kể trong việc đào tạo cán bộ người DTTS có trình độ cho các địa phương; thực hiện các chính sách đối với người dạy, người học vùng DTTS đầy đủ, kịp thời, đạt hiệu quả, góp phần nâng cao chất lượng GD,...

Song, chất lượng, hiệu quả GD vùng dân tộc và miền núi vẫn luôn ở tình trạng còn nhiều bất cập, tụt hậu so với các vùng có điều kiện thuận lợi: Mạng lưới trường học, điều kiện cơ sở vật chất, thiết bị dạy học đã được tăng cường đầu tư nhưng vẫn chưa đáp ứng được yêu cầu phát triển quy mô và nâng cao chất lượng GD, đặc biệt ở một số trường chuyên biệt vùng DTTS; chất lượng GD ở miền núi, vùng DTTS một số nơi còn thấp so với yêu cầu; chất lượng, cơ cấu đội

ngũ nhà giáo, CBQL trong các cơ sở GD vùng DTTS còn bất cập. Năng lực sư phạm, khả năng tổ chức các hoạt động GD của một bộ phận GV còn hạn chế; chế độ chính sách cho người dạy, người học ở miền núi, vùng DTTS, vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn vẫn còn bất cập về đối tượng, định mức, phương thức hỗ trợ,...

## **2. GD dân tộc trong công cuộc đổi mới căn bản, toàn diện GD và đào tạo**

Trong xu thế chung về đổi mới căn bản, toàn diện nền GD Việt Nam, đổi mới chương trình, sách giáo khoa phổ thông là một tất yếu. Quyết định số 711/QĐ-TTg ngày 13 tháng 6 năm 2012 của Thủ tướng Chính phủ về triển khai Chiến lược phát triển GD 2011-2020 đã xác định: "Thực hiện đổi mới chương trình và sách giáo khoa từ sau năm 2015 theo định hướng phát triển năng lực HS, vừa đảm bảo tính thống nhất trong toàn quốc, vừa phù hợp với đặc thù mỗi địa phương".

Nghị quyết số 29-NQ/TW ngày 04 tháng 11 năm 2013 của Hội nghị lần 8 Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khóa XI) nêu lên các mục tiêu, quan điểm chỉ đạo, những nhiệm vụ và giải pháp đổi mới căn bản, toàn diện GD và đào tạo; trong đó khẳng định: "Chuyển mạnh quá trình GD từ chủ yếu trang bị kiến thức sang phát triển toàn diện năng lực và phẩm chất người học. Học đi đôi với hành; lí luận gắn với thực tiễn; GD nhà trường kết hợp với GD gia đình và GD xã hội". Nghị quyết 29-NQ/TW cũng đã xác định: "*Ưu tiên đầu tư phát triển GD và đào tạo ở các vùng đặc biệt khó khăn, vùng DTTS và các đối tượng diện chính sách*".

Để thực hiện có hiệu quả quan điểm chỉ đạo của Nghị quyết về phát triển GD dân tộc, những nhiệm vụ cơ bản dưới đây được đặt ra đối với ngành GD và các địa phương vùng dân tộc và miền núi:

### **Một là, tăng cường tuyên truyền nâng cao nhận thức và trách nhiệm về đổi mới căn bản, toàn diện đối với GD dân tộc**

Đẩy mạnh tuyên truyền, nâng cao nhận thức của cộng đồng, cha mẹ HS về quyền học tập của trẻ em, về chủ trương, nhiệm vụ và giải pháp đổi mới căn bản, toàn diện GD nói chung, GD dân tộc nói riêng để mỗi gia đình, mỗi người dân nhận thức một cách đầy đủ về ý nghĩa quan trọng của GD và đào tạo trong

công cuộc xoá đói giảm nghèo, cải thiện điều kiện sống, thực hiện công bằng trong GD ở vùng dân tộc và miền núi. Thực hiện tuyên truyền giúp các cấp uỷ đảng, chính quyền, đoàn thể, các tổ chức xã hội và đội ngũ nhà giáo, CBQL GD ở miền núi, vùng DTTS thấy được nhiệm vụ đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục dân tộc là nhiệm vụ của chính mình, là điều kiện đảm bảo để thực hiện thành công công cuộc đổi mới căn bản, toàn diện GD và đào tạo.

### **Hai là, đổi mới nội dung GD phù hợp với đối tượng người học vùng DTTS**

Biên soạn sách giáo khoa, tài liệu dạy học phù hợp với HS miền núi, vùng DTTS. *Sách giáo khoa môn Tiếng Việt thiết kế theo nguyên tắc dạy tiếng Việt như ngôn ngữ thứ 2*, trong đó, coi trọng việc rèn luyện hai kĩ năng nghe - nói, phần đầu hai kĩ năng này tương đối bền vững trước khi rèn luyện hai kĩ năng đọc - viết để đảm bảo chuẩn kiến thức, kĩ năng theo chương trình quốc gia.

*Ngữ liệu trong sách giáo khoa cần gắn gũi với HS dân tộc, đặc biệt chú ý các nội dung liên quan tới văn hóa của các DTTS phù hợp với nhận thức và vốn sống của HS.* Ngữ liệu của các bài học phản ánh kinh nghiệm sản xuất, những phong tục tập quán, những câu chuyện cổ tích... của cộng đồng các DTTS được truyền từ thế hệ này sang thế hệ khác. Nội dung văn hóa (văn hóa vật chất, văn hóa tinh thần và văn hóa ứng xử) cần sắp xếp theo trình tự phù hợp: văn hoá dân tộc, văn hoá Việt, văn hoá nước ngoài. Điều này giúp cho nội dung dạy học gắn gũi hơn với HS người DTTS.

Xây dựng tài liệu Tăng cường tiếng Việt cho trẻ mầm non và HS các lớp đầu cấp Tiểu học. Dạy tiếng Việt cho HS người DTTS chưa biết hoặc biết ít tiếng Việt nhằm chuẩn bị tốt tiếng Việt cho trẻ DTTS trước khi vào lớp 1 và tăng cường khả năng sử dụng tiếng Việt cho HS người DTTS.

Xây dựng khung nội dung GD đặc thù trong trường học vùng DTTS, trường PTDTBT, trường PTDTNT, trường DBĐH. Hướng dẫn các địa phương xây dựng nội dung, tài liệu và tổ chức thực hiện GD đặc thù trong các cơ sở GD vùng DTTS phù hợp với vùng, miền. Nghiên cứu chỉnh sửa chương trình, để cương chi tiết các môn học DBĐH phù hợp để HS có đủ kiến thức, kĩ năng cần thiết khi tiếp cận với phương thức đào tạo mới ở các trường đại học, cao đẳng. Chú trọng GD những giá trị văn hóa dân tộc mang tính nhân bản, phổ quát: Nội dung GD đạo đức, GD công dân, GD thể chất và GD thẩm mỹ theo hướng gắn với nội dung văn hóa dân tộc như trò chơi dân gian, nhạc cụ truyền thống, ca múa, lễ hội, phong tục, tập quán,... và hướng dẫn cách tổ chức thực hiện.

Chú trọng công tác GD giá trị sống, kĩ năng sống

cho HS với nhiều hình thức tổ chức thiết thực, phù hợp. Xây dựng quy tắc ứng xử trong nhà trường; tổ chức cho HS tìm hiểu truyền thống nhà trường, lịch sử, văn hóa địa phương dưới nhiều hình thức sáng tạo, linh hoạt.

Thực hiện đổi mới hình thức và phương pháp kiểm tra, đánh giá trong các cơ sở GD vùng DTTS để kịp thời điều chỉnh phương pháp dạy học phù hợp đối tượng HS người DTTS. Đặc biệt là kiểm tra, đánh giá về chất lượng các hoạt động GD đặc thù trong các trường PTDTNT, PTDTBT, DBĐH.

Tiếp tục xây dựng và ban hành chương trình, sách giáo khoa tiếng DTTS có chữ viết theo nhu cầu trong các cơ sở giáo dục phổ thông và trung tâm GD thường xuyên. Xây dựng và ban hành danh mục thiết bị tối thiểu dạy học tiếng DTTS có chữ viết.

### **Ba là, tiếp tục hoàn thiện hệ thống mạng lưới trường, lớp vùng DTTS, miền núi**

Rà soát quy hoạch, phát triển hệ thống trường, lớp, cơ sở GD phù hợp với điều kiện của miền núi, vùng DTTS, tạo điều kiện thuận lợi cho trẻ em, người học vùng DTTS được tham gia học tập. Củng cố và phát triển vững chắc loại hình trường PTDTBT, trường PTDTNT và trường DBĐH. Đổi mới tổ chức và hoạt động GD của các loại hình trường chuyên biệt này nhằm đáp ứng nhu cầu học tập của HS các DTTS, nhu cầu tạo nguồn đào tạo cán bộ và nguồn nhân lực có chất lượng cho các địa phương.

Tiếp tục duy trì việc tổ chức lớp ghép tại các trường, điểm trường tiểu học ở vùng có điều kiện khó khăn để tạo cơ hội cho trẻ em trong độ tuổi được đi học, duy trì vững chắc kết quả xoá mù chữ và phổ cập GD tiểu học đúng độ tuổi ở miền núi, vùng DTTS.

### **Bốn là, đổi mới công tác quản lí GD dân tộc**

Tiếp tục hoàn thiện hệ thống quản lí, chỉ đạo GD dân tộc ở các tỉnh/thành phố có đông HS người DTTS theo hướng thành lập phòng GD dân tộc, hoặc tăng cường biên chế ở các phòng chuyên môn, bảo đảm mỗi sở giáo dục và đào tạo có bộ phận đầu mối quản lí, chỉ đạo về GD dân tộc của địa phương.

Tăng cường kiểm tra, chỉ đạo các trường DBĐH, PTDTNT, PTDTBT và các cơ sở GD vùng DTTS về các lĩnh vực: quản lí dạy học; hoạt động ngoài giờ chính khóa; tổ chức chăm sóc, nuôi dưỡng HS nội trú, bán trú; thực hiện chế độ, chính sách đối với nhà giáo, CBQL và HS vùng DTTS, miền núi.

Tăng cường kiểm tra, thanh tra việc tổ chức dạy học tiếng DTTS trong các cơ sở GD phổ thông và trung tâm GD thường xuyên; việc quản lí và tổ chức đào tạo, cấp phát chứng chỉ tiếng DTTS cho cán bộ, công chức, viên chức ở các địa phương.

Tiến hành thường xuyên công tác tổng kết, sơ kết về phát triển GD dân tộc đối với từng vùng, từng

địa phương, từng lĩnh vực.

**Năm là, tiếp tục phát triển đội ngũ nhà giáo và CBQL GD vùng DTTS**

Phát triển đội ngũ GV và CBQL GD các cấp ở miền núi, vùng DTTS đủ về số lượng, đồng bộ về cơ cấu, đạt các tiêu chuẩn về trình độ chuyên môn, nghiệp vụ. Tăng cường công tác GD pháp luật, GD chính trị, tư tưởng, đạo đức, lối sống, tinh thần trách nhiệm cho đội ngũ nhà giáo. Duy trì tốt công tác bồi dưỡng thường xuyên, bồi dưỡng chu kì cho đội ngũ, khuyến khích GV tăng cường tự học, tự bồi dưỡng.

Xây dựng vị trí việc làm, số lượng người làm việc theo chức danh nghề nghiệp trong các trường DBDH, PTDTNT, PTDTBT phù hợp và đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ. Tăng cường đào tạo, bồi dưỡng GV dạy tiếng DTTS chuẩn trình độ chuyên môn, nghiệp vụ theo quy định. Đặc biệt quan tâm bồi dưỡng về các nội dung: văn hoá dân tộc và tri thức địa phương, nội dung và phương pháp GD HS DTTS, đặc điểm tâm lí HS người DTTS, tổ chức các hoạt động GD đặc thù, tiếng DTTS,... cho cán bộ, GV trong các trường chuyên biệt vùng DTTS.

**Sáu là, tăng cường đầu tư cơ sở vật chất cho các cơ sở GD vùng DTTS**

Tập trung ưu tiên nguồn lực từ Chương trình mục tiêu quốc gia GD và đào tạo, nguồn trái phiếu Chính phủ, các chương trình, dự án, nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản của các địa phương và các nguồn vốn hợp pháp khác. Tiếp tục thực hiện mục tiêu kiên cố hóa trường, lớp học, xây dựng nhà công vụ cho GV. Xoá các trường và điểm trường còn nhà tạm, bàn ghế không đúng quy cách, xây nhà công vụ cho giáo viên, nhà bán trú cho HS, giải quyết cơ bản điều kiện cơ sở vật chất cho các trường học miền núi, vùng DTTS.

Đẩy mạnh việc thực hiện các Quyết định số 1640/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án Củng cố và phát triển hệ thống trường PTDTNT giai đoạn 2011-2015; Quyết định số 2123/2010/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án Phát triển GD đối với các dân tộc rất ít người giai đoạn 2010-2015;... tăng cường cơ sở vật chất cho các trường PTDTNT, PTDTBT, DBDH.

**Bảy là, đẩy mạnh việc nghiên cứu và ứng dụng khoa học GD và khoa học quản lí GD trong GD dân tộc**

Nghiên cứu về tiêu chí, điều kiện các hình thức tổ chức trường, lớp học phù hợp với thực tiễn của miền núi, vùng DTTS. Nghiên cứu, triển khai ứng dụng kĩ thuật dạy học lớp ghép bậc Tiểu học phù hợp với đối tượng HS người DTTS.

Nghiên cứu việc đổi mới mô hình đào tạo của loại hình trường PTDTNT, trường DBDH đáp ứng yêu cầu tạo nguồn đào tạo cán bộ và nguồn nhân lực có

chất lượng cho các địa phương vùng DTTS trong giai đoạn mới.

Nghiên cứu nội dung và các điều kiện thực hiện GD đặc thù, GD văn hoá dân tộc và tri thức địa phương trong các trường chuyên biệt, trường học vùng DTTS.

**Tám là, hoàn thiện chính sách đối với người dạy, người học vùng DTTS**

Nghiên cứu điều chỉnh mức hỗ trợ chính sách đối với HS vùng DTTS, miền núi; xây dựng chính sách hỗ trợ đối với học viên GD thường xuyên ở vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn. Tích hợp các chính sách đối với HS vùng DTTS, miền núi.

Rà soát để đề xuất, kiến nghị sửa đổi, bổ sung, ban hành các chính sách mới đối với nhà giáo, CBQL GD công tác ở miền núi, vùng DTTS.

**Chín là, tiếp tục đẩy mạnh xã hội hóa, huy động các nguồn lực tham gia phát triển GD dân tộc**

Vận động các cá nhân, tổ chức, các doanh nghiệp, các nhà hảo tâm ủng hộ phát triển GD dân tộc; tổ chức quyên góp hỗ trợ xây dựng cơ sở vật chất, cung cấp trang thiết bị dạy học, hỗ trợ học bổng cho HS người DTTS, nâng cao năng lực cho đội ngũ cán bộ, GV công tác ở miền núi, vùng DTTS.

Tăng cường phối hợp với các bộ, ngành, tổ chức xã hội trong thực hiện các nhiệm vụ phát triển GD dân tộc. Phát động phong trào kết nghĩa giữa các địa phương miền xuôi, thành phố với các địa phương miền núi, vùng DTTS; giữa các cơ quan, đơn vị với cơ sở GD ở miền núi, vùng DTTS.

Tăng cường sự hợp tác, tranh thủ sự hỗ trợ, tài trợ, đầu tư của các tổ chức nước ngoài, tổ chức quốc tế về kinh nghiệm hoạch định chiến lược, chính sách, nghiên cứu khoa học, ứng dụng khoa học, chuyển giao công nghệ trong lĩnh vực GD dân tộc.

**Kết luận**

Nghị quyết số 29-NQ/TW vừa là cơ sở pháp lí vững chắc, vừa là động lực để tiếp tục phát triển GD dân tộc, đáp ứng với yêu cầu ngày càng cao của phát triển kinh tế - xã hội vùng dân tộc và miền núi trong thời kì công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước và hội nhập quốc tế.

**TÀI LIỆU THAM KHẢO**

1. Nghị quyết số 29-NQ/TW ngày 04/11/2013 Hội nghị lần thứ tám (Khóa XI) Về đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo, đáp ứng yêu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa trong điều kiện kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế.
2. Nghị quyết số 44/NQ-CP ngày 9/6/2014 của Chính phủ ban hành Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 29-NQ/TW.
3. Quyết định số 2653/QĐ-BGDĐT ngày 25/7/2014 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo Ban hành Kế

hoạch hành động của ngành Giáo dục triển khai Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 29-NQ/TW về đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo, đáp ứng yêu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa trong điều kiện kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế.

4. **Hỏi – Đáp về một số nội dung đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo**, NXB Giáo dục Việt Nam, tháng 12/2013.

5. **Báo cáo Tổng kết các năm học của Bộ Giáo dục và Đào tạo**.

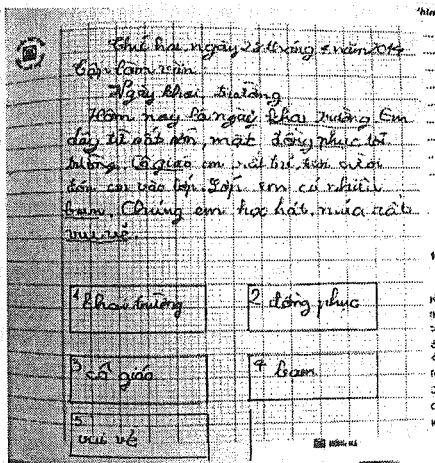
6. **Báo cáo Tổng kết giáo dục dân tộc các năm học từ 2008 đến 2014**.

**SUMMARY**

Vietnam Education and training in general and ethnic minority education in particular are facing opportunities and challenges, requiring activeness and creativity of the political system as well as the whole society and education sector in the utilization and exploitation of advantages, limitations and overcome difficulties in order to successfully implement Resolution No. 29-NQ / TW November 4 2013, at 8th Congress XI Central Committee. The paper raises fundamental tasks set for education sector and the local ethnic minority and mountainous areas in order to implement effectively viewpoints of the Resolution in terms of the development of national education.

**MỘT SỐ PHƯƠNG PHÁP TÁC ĐỘNG DẠY CHÍNH TRỊ...** (Tiếp theo trang 24)

Hình 3: Bài tập làm văn kiểu điền từ vào chỗ trống của HS Ph. N<sup>5</sup>



Với mục đích chính trị các rối loạn trong khâu lập trình, điều khiển, kiểm tra và kiểm soát quá trình hoạt động của bản thân ở HS do chậm phát triển vùng trán phía trước, chúng tôi lồng ghép cả việc dạy HS thực hiện dãy tính và làm toán (có lời văn). Bắt đầu từ việc lập việc chương trình thực hiện các phép tính đơn giản có sự hỗ trợ của các công cụ có chức năng “vật thể hóa” một số thao tác; tiếp đến là chương trình với các dãy tính. Dần dần, HS đã vượt qua được những khó khăn trong việc đọc hiểu đề bài và viết lời giải, trong việc hình thành chiến lược, điều khiển và kiểm soát việc giải toán đối với dạng bài toán có lời văn.

**3. Kết luận**

Như đã biết, ở Ph. N, mức độ đọc trơn không phải là vấn đề, chính những rối loạn hành vi gây sao nhãng, mất tập trung chú ý đã làm cản trở việc đọc hiểu. Khi việc đọc được tiến hành một cách không chủ định,

không có sự kiểm tra, kiểm soát của ý thức, việc hiểu không thể diễn ra. Sau 3 tháng theo lớp chính trị, các biểu hiện rối loạn hành vi ở HS đã giảm rõ rệt: kết quả cho thấy là HS tự tin hơn trong học tập, chất lượng bài thi cuối năm các môn Toán và Tiếng Việt đều đạt loại khá.

**TÀI LIỆU THAM KHẢO**

1. Võ Thị Minh Chí (2011), *Ứng dụng của tâm lý học thần kinh vào phát hiện các nguyên nhân gây khó khăn trong học tập cho học sinh tiểu học*, Đặc san khoa học, Trường Đại học Sư phạm Hà Nội, tr. 37 - 46.
2. Luria A.R, *Cơ sở tâm lý học thần kinh* (Võ Thị Minh Chí, Phạm Minh Hạc, Trần Trọng Thủy dịch), NXB Giáo dục.
3. Sandra F. Rief, Judith M. Stern (2010), *The Dyslexia checklist: A practical reference for parents and teachers*, Jossey-Bass A Wiley Imprint.
4. Nguyễn Minh Thuyết (chủ biên), Nguyễn Thị Hạnh, Nguyễn Trại, Trần Hoàng Túy (2013) *Tiếng Việt 2*, Tập 1, 2, NXB Giáo dục Việt Nam.

**SUMMARY**

Through psychological examination, neurological disorders have been identified in a case of reading comprehension of students is so underdeveloped forehead, disrupt programs, loss control inspection and control actions in reading process. For regulating expression of disorders in students, impact of teaching was designed and guided students to perform operations under a unified program, to support readers from unconscious reading to conscious level, checks and controls. After 3 months of teaching treatment, behavioral disorders were significantly reduced, the learning outcomes of students is significantly improved.

<sup>5</sup> Bài tập do giáo viên dạy chính trị thiết kế.